BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2910 /QĐ-BNN-TCLN	*Hà Nội, ngày 13 tháng 7 năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế hưởng lợi từ rừng phòng hộ áp dụng đối với Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ – Dự án JICA2, tại các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Ninh Thuận và Bình Thuận

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26/11/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/03/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng;

Căn cứ Quyết định 73/2010/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành quy chế quản lý đầu tư xây dựng công trình Lâm sinh và Thông tư số 69/2011/TT-BNN&PTNT ngày 21/10/2011 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 73/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về Quỹ bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về quyền hưởng lợi, nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được giao, được thuê, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 07/2012/QĐ-TTg ngày 8/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành một số chính sách tăng cường công tác bảo vệ rừng;

Căn cứ Quyết định số 57/QĐ-TTg ngày 9/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Quyết định số 17/2015/QĐ-TTg ngày 9/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Quy chế quản lý rừng phòng hộ;

Căn cứ Thông tư số 35/2011/TT-BNNTNT, ngày 20/5/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Hướng dẫn thực hiện khai thác, tận dụng gỗ và lâm sản ngoài gỗ;

Căn cứ Biên bản thảo luận về Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ giữa Chính phủ Nhật Bản (Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản) và Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, ngày 25/10/2011;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Căn cứ Quyết định số 319/QĐ-BNN-HTQT ngày 22/02/2012 và Quyết định số 2532/QĐ-BNN-HTQT ngày 24/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt dự án đầu tư, điều chỉnh một số nội dung Dự án JICA2, vay vốn ODA của Chính phủ Nhật Bản;

Căn cứ Hiệp định vay vốn số VN11-P9 ngày 30/3/2012 giữa Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản và Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 2192/QĐ-BNN-TCCB ngày 27/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Dự án "Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ" vay vốn ODA của Chính phủ Nhật Bản;

Xét đề nghị của Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp tại Tờ trình số 817/TTr-DALN-JICA2 ngày 3/6/2016 và Báo cáo tiếp thu giải trình ý kiến thẩm định của Tổng cục Lâm nghiệp về quy chế hưởng lợi dự án JICA2 (Công văn số 1024/DALN-JICA2 ngày 30/6/2016 của Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp).

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hưởng lợi từ rừng phòng hộ áp dụng đối với Dự án "Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ" – Dự án JICA2, tại các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Ninh Thuận và Bình Thuận.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp, Chủ tịch UBND các tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Ninh Thuận và Bình Thuận, Trưởng ban Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh vùng dự án, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/cáo);
- Các Vụ: Pháp chế, Kế hoạch, Tài chính; Hợp tác quốc tế;
- Lưu: VT, TCLN (25).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Hà Công Tuấn

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Hưởng lợi từ rừng phòng hộ áp dụng đối với Dự án "Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ" - Dự án JICA2, tại các tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Ninh Thuận và Bình Thuận

(Kèm theo Quyết định số 2910 /QĐ-BNN-TCLN, ngày 13 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về cơ chế hưởng lợi áp dụng đối với Dự án JICA2, tại các tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Ninh Thuận và Bình Thuận.

Điều 2: Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân liên quan đến bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng phòng hộ thuộc Dự án JICA2 sau giai đoạn đầu tư.

Điều 3: Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ, vay vốn ODA của Chính phủ Nhật Bản, sau đây được gọi tắt là Dự án JICA2;

2. Bên khoán: Ban quản lý rừng phòng hộ (viết tắt là Ban QLRPH);

3. Bên nhận khoán: Tổ chức, hộ gia đình, nhóm hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn cư trú hợp pháp trên địa bàn;

4. Hưởng lợi: Giá trị được hưởng từ khai thác lâm sản; giá trị thu được từ dịch vụ ngoài lâm sản; sản phẩm nông nghiệp kết hợp, sau khi trừ các loại thuế, chi phí liên quan khác theo quy định của các đối tượng có liên quan đến hợp đồng khoán, nhận khoán bảo vệ rừng phòng hộ;

5. Hợp đồng dài hạn: Hợp đồng khoán bảo vệ rừng xác định thời hạn từ 02 (hai) năm trở lên;

6. Rừng trồng mới: Rừng trồng trên đất chưa có rừng, do Dự án JICA2 đầu tư;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

7. Rừng trồng nâng cấp: Rừng trồng hiện có nhưng kém chất lượng được trồng bổ sung cây bản địa thành rừng hỗn giao nhiều loài, đa tầng tán, phát huy tối đa khả năng phòng hộ của rừng;

8. Cây trồng chính: Cây lâm nghiệp được trồng nhằm mục đích phòng hộ;

9. Cây phù trợ: Cây được trồng với cây trồng chính trong một thời gian nhất định nhằm tạo sinh cảnh, hỗ trợ cây trồng chính sinh trưởng, phát triển tốt hơn;

10. Cây trồng xen: Cây được trồng kết hợp với cây trồng chính và cây phù trợ, nhằm tận dụng đất, không gian sinh trưởng để tăng sản phẩm và thu nhập trên diện tích rừng nhận khoán mà không gây hại đến sinh trưởng và phát triển của cây trồng chính;

11. Tỉa thưa rừng trồng: Biện pháp kỹ thuật lâm sinh nhằm điều chỉnh mật độ cây phù trợ, tạo không gian sinh trưởng cho cây trồng chính, hình thành khu rừng có nhiều loài cây sinh trưởng, nhiều tầng tán nhằm đáp ứng mục tiêu rừng phòng hộ bền vững;

12. Trong quy chế này Lâm sản ngoài gỗ (viết tắt là LSNG) chỉ giới hạn là những sản phẩm không phải gỗ có nguồn gốc sinh vật được khai thác từ rừng tự nhiên hoặc rừng trồng;

13. Giai đoạn sau đầu tư: Thời gian ngay sau khi hợp đồng đầu tư hoặc dự án JICA2 kết thúc đầu tư và Hội đồng bàn giao thành quả thực hiện dự án cho Ban QLRPH theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

- Đối với rừng trồng mới, rừng trồng nâng cấp, rừng khoanh nuôi tái sinh có trồng bổ sung là: 04 năm (1 năm trồng và 3 năm chăm sóc), sau khi kết thúc giai đoạn đầu tư;

- Đối với khoán bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh tự nhiên là: 05 năm, sau khi kết thúc giai đoạn đầu tư.

Điều 4. Các loại hợp đồng khoán, thời hạn, nguyên tắc và hưởng lợi

1. Các loại hợp đồng khoán gồm:

a) Khoán chăm sóc, bảo vệ rừng trồng mới;

b) Khoán chăm sóc, bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung;

c) Khoán chăm sóc, bảo vệ rừng trồng nâng cấp và rừng trồng cây LSNG;

d) Khoán bảo vệ rừng khoanh nuôi tái sinh tự nhiên không trồng bổ sung;

e) Khoán bảo vệ rừng tự nhiên.

2. Thời hạn hợp đồng

Thời hạn cụ thể từng hợp đồng do bên khoán và bên nhận khoán thỏa thuận và quyết định, tùy thuộc vào chu kỳ phát triển của từng loại cây rừng, theo hồ sơ thiết kế được duyệt và nguyện vọng của bên nhận khoán, nhưng thời hạn ít nhất là 02 năm.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

3. Nguyên tắc thực hiện hợp đồng và quy định hưởng lợi

a) Nguyên tắc

Các loại hợp đồng nêu tại Khoản 1 hoàn toàn là tự nguyện, thỏa thuận giữa Bên khoán và Bên nhận khoán, phù hợp với pháp luật về hợp đồng kinh tế (theo mẫu hợp đồng tại Phụ lục kèm theo).

b) Quy định hưởng lợi

- Các loại Hợp đồng nêu tại Điểm a, b, c Khoản 1 được hưởng lợi theo quy định tại các Điều 11 và Điều 13 của Quy chế này;

- Các loại Hợp đồng nêu tại Điểm d, e Khoản 1 được hưởng lợi theo quy định của Nhà nước đối với rừng phòng hộ và hưởng lợi từ rừng nhận khoán theo quy định tại các Điều 12 và Điều 13 của Quy chế này.

Chương II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của bên khoán

1. Quyền của bên khoán

a) Được tận thu, tận dụng gỗ trong rừng phòng hộ là rừng tự nhiên; khai thác gỗ trong rừng phòng hộ là rừng trồng và khai thác tre, lâm sản ngoài gỗ từ rừng phòng hộ, theo đúng quy định tại các Điều 14, Điều 15 và Điều 16 Quyết định số 17/2015/QĐ-TTg ngày 9/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Quy chế quản lý rừng phòng hộ và những thay đổi bổ sung nghị định này (nếu có), sau đây gọi là QĐ số 17/2015/QĐ-TTg;

b) Được hưởng lợi từ rừng nhận khoán theo quy định tại Điều 11, Điều 12 và Điều 13 của Quy chế này;

c) Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát toàn bộ quá trình thực hiện hợp đồng khoán, đảm bảo đúng pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng và phù hợp với các quy định về quản lý hợp đồng theo quy định của Nhà nước;

d) Không nghiệm thu, thanh toán khối lượng bảo vệ rừng khi không đạt những yêu cầu quy định trong hợp đồng;

e) Chấm dứt hợp đồng khoán, khi bên nhận khoán vi phạm hợp đồng và yêu cầu bên nhận khoán phải bồi thường thiệt hại.

2. Nghĩa vụ của bên khoán

a) Bên khoán có trách nhiệm xây dựng phương án khoán bảo vệ rừng cho hộ gia đình, cá nhân và tổ chức trình cấp có thẩm quyền (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc UBND huyện) phê duyệt làm cơ sở tổ chức khoán bảo vệ rừng và phân chia lợi ích từ rừng cho các hộ gia đình, cá nhân và tổ chức liên quan tham gia bảo vệ rừng.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

b) Ban QLRPH có trách nhiệm tổ chức bảo vệ rừng phòng hộ và khoán rừng phòng hộ với cơ chế chia sẻ lợi ích từ rừng phòng hộ theo Quyết định số 17/2015/QĐ-TTg, và quy định tại Quy chế này;

c) Bàn giao cho bên nhận khoán: Hiện trạng thực tế khu rừng trên thực địa về diện tích, vị trí ranh giới trên bản đồ và hồ sơ thiết kế, dự toán bảo vệ rừng có liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

d) Cung cấp các hỗ trợ kỹ thuật về bảo vệ rừng và nuôi dưỡng rừng;

e) Cử cán bộ kỹ thuật hướng dẫn, kiểm tra, giám sát bên nhận khoán trong quá trình thực hiện hợp đồng;

g) Tổ chức nghiệm thu các hợp đồng nhận khoán hàng năm để đánh giá kết quả thực hiện hợp đồng của bên nhận khoán, làm cơ sở xác nhận kết quả thực hiện hợp đồng để theo dõi việc chia sẻ lợi ích, gia hạn, chấm dứt hợp đồng hoặc thanh toán tiền công bảo vệ rừng (nếu có) theo quy định hiện hành của Nhà nước;

h) Tổ chức xây dựng hồ sơ thiết kế tỉa thưa, khai thác cây phù trợ đối với rừng trồng và LSNG với sự tham gia của bên nhận khoán;

i) Thực hiện phân chia lợi ích từ rừng phòng hộ cho các bên liên quan theo hợp đồng đã ký với bên nhận khoán;

k) Bồi thường thiệt hại cho bên nhận khoán, nếu vi phạm hợp đồng theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của bên nhận khoán

1. Quyền của bên nhận khoán

a) Được nhận đủ hồ sơ khoán, đúng với bàn giao trên thực địa về diện tích, hiện trạng rừng, vị trí ranh giới theo hồ sơ thiết kế, dự toán phù hợp theo từng loại hợp đồng khoán bảo vệ rừng được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Được hướng dẫn kỹ thuật, tham gia tập huấn về bảo vệ và nuôi dưỡng rừng phòng hộ liên quan đến công tác khoán bảo vệ rừng dài hạn;

c) Được thu hái củi, khai thác tre nứa và các LSNG khác; khai thác tận thu cây chết, cây sâu bệnh và trồng xen cây nông nghiệp, cây LSNG dưới tán rừng theo hướng dẫn của Bên khoán;

d) Được hưởng lợi từ rừng nhận khoán theo quy định tại các Điều 11, Điều 12 và Điều 13 của Quy chế này và sự thỏa thuận với bên khoán được mô tả cụ thể trong hợp đồng khoán bảo vệ rừng;

e) Khi hết thời hạn hợp đồng, nếu không vi phạm các điều khoản của hợp đồng và có nguyện vọng tiếp tục nhận khoán thì được tiếp tục ký với Bên khoán;

g) Được bồi thường thiệt hại, nếu bên khoán vi phạm hợp đồng.

2. Nghĩa vụ của bên nhận khoán

a) Có nghĩa vụ thực hiện hợp đồng khoán bảo vệ rừng đã được ký với bên

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

khoán; Chịu sự kiểm tra, giám sát của bên khoán về quy trình kỹ thuật có liên quan đến thực hiện hợp đồng;

b) Nếu vi phạm hợp đồng gây thiệt hại cho bên khoán thì bị chấm dứt hợp đồng và phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật;

c) Trả lại rừng nhận khoán khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban nhân dân (UBND) xã

1. Quyền của Ủy ban nhân dân xã

a) Được hưởng lợi các sản phẩm gỗ và LSNG khai thác từ rừng phòng hộ trên những diện tích rừng của xã thực hiện Dự án JICA2 theo quy định tại các Điều 11 và Điều 12 của Quy chế này;

b) Được sử dụng tiền hưởng lợi từ Điểm a Khoản 1 Điều này để đóng góp vào Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng của xã theo quy định của Nhà nước;

c) Được hưởng lợi từ dịch vụ môi trường rừng hoặc từ các hoạt động khác có liên quan tới bảo vệ rừng phòng hộ theo cơ chế chi trả cho các bên (nếu có).

2. Nghĩa vụ của Ủy ban nhân dân xã

a) Thực hiện quản lý nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp được quy định tại Quyết định số 07/2012/QĐ-TTg ngày 8/2/2012 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành một số chính sách tăng cường công tác bảo vệ rừng;

b) Cử đại diện tham gia và xác nhận quá trình bàn giao hiện trường rừng tại thực địa giữa bên khoán và bên nhận khoán theo hợp đồng;

c) Cử đại diện tham gia cùng với bên khoán và bên nhận khoán trong việc kiểm tra xác minh mức độ thiệt hại rừng theo yêu cầu của các bên liên quan (nếu có).

Điều 8. Hồ sơ khoán bảo vệ rừng

Hồ sơ khoán gồm 04 loại như sau:

1. Đề nghị nhận khoán – Mẫu theo Phụ lục I

2. Hợp đồng khoán bảo vệ rừng;

- Rừng trồng – Mẫu theo Phụ lục II;
- Rừng tự nhiên – Mẫu theo Phụ lục III

3. Biên bản giao, nhận rừng

- Rừng trồng – Mẫu theo Phụ lục IV;
- Rừng tự nhiên – Mẫu theo Phụ lục V

4. Trích lục bản đồ khu vực khoán.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Chương III

CƠ CHẾ HƯỞNG LỢI TỪ RỪNG KHOÁN BẢO VỆ

Điều 9. Nguồn lợi từ rừng khoán bảo vệ

1. Rừng phòng hộ là rừng trồng do dự án JICA2 đầu tư trồng, gồm các nguồn lợi chính như sau:

a) Sản phẩm khai thác cây phù trợ; cây trồng xen; thu gom cây gỗ nằm, gỗ khô mục, lóc lõi, gỗ cháy, cành, ngọn, gốc, rễ cây;

b) Sản phẩm lâm sản ngoài gỗ;

c) Sản phẩm từ sản xuất nông nghiệp kết hợp trên diện tích đất chưa có rừng thuộc đất rừng trồng nhận khoán;

d) Giá trị thu được từ dịch vụ ngoài lâm sản, như dịch vụ môi trường rừng, hoạt động du lịch sinh thái trong rừng phòng hộ.

2. Rừng phòng hộ là rừng tự nhiên do dự án JICA2 đầu tư, gồm các nguồn lợi chính như sau:

a) Tận thu gỗ là những cây, lóng, khúc, bìa bắp gỗ đã khô mục, lóc lõi, gỗ cháy, cành, ngọn, gốc, rễ gỗ và khai thác bền vững các loại lâm sản ngoài gỗ. Thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 14 Quyết định 17/2015/QĐ-TTg;

b) Sản phẩm khai thác tre, nứa với cường độ khai thác không quá ba mươi phần trăm (30%) trữ lượng;

c) Sản phẩm sản xuất nông nghiệp kết hợp; trồng song, mây, sa nhân, vv... dưới tán rừng tự nhiên;

d) Giá trị thu được từ dịch vụ ngoài lâm sản, như dịch vụ môi trường rừng, hoạt động du lịch sinh thái trong rừng phòng hộ (nếu có).

Điều 10. Nguyên tắc phân chia giá trị sản phẩm

1. Việc phân chia lợi ích giá trị sản phẩm khai thác từ rừng phòng hộ Dự án JICA2 chỉ thực hiện đối với hợp đồng dài hạn theo nguyên tắc cùng đóng góp và cùng hưởng lợi.

2. Sản phẩm khai thác từ rừng phòng hộ giữa các bên liên quan được thực hiện trên cơ sở thực tế từng loại rừng, từng loại hợp đồng khoán. Giá trị sản phẩm khai thác được phân chia theo quy định tại Quy chế này.

Điều 11. Phân chia lợi ích từ rừng trồng do dự án JICA2 đầu tư

1. Được phép khai thác cây phù trợ, nhưng phải đảm bảo mật độ cây trồng chính còn lại ít nhất là 600 cây/ha, độ tàn che ≥ 0,6. Nếu cây trồng chính không đủ thì phải để lại cây phù trợ đảm bảo mật độ quy định như đối với cây trồng chính (ít nhất 600 cây/ha). Khi rừng trồng đạt tiêu chuẩn định hình khu rừng phòng hộ theo Điều 6, Quyết định 17/2015/QĐ-TTg.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Ban QLRPH tự thực hiện hoặc hợp đồng với đơn vị tư vấn để thực hiện lập phương án khai thác, hồ sơ thiết kế kỹ thuật khai thác cây phù trợ của rừng trồng do Dự án JICA2 đầu tư, trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt và cấp giấy phép khai thác theo quy định.

2. Khai thác sản phẩm từ rừng phòng hộ là cây LSNG (Trôm, Điều, Thông) do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn; Việc khai thác các LSNG (nhựa, mủ và hạt, vv…) không làm ảnh hưởng đến chất lượng rừng.

3. Phân chia hưởng lợi từ rừng trồng, tính trên tổng số tiền từ sản phẩm thu được, sau khi nộp thuế và trừ các chi phí theo quy định của pháp luật.

a) Rừng trồng mới: Bên nhận khoán được hưởng 85%, bên khoán hưởng 12%, UBND xã hưởng 3%.

b) Rừng trồng nâng cấp:

- Rừng trồng Thông: Đối với sản phẩm khai thác nhựa thông được phân chia như sau: Bên nhận khoán 70%, bên khoán 27%; và UBND xã 3%;

- Rừng trồng các loài Keo: Giá trị khai thác cây phù trợ (cây keo) được phân chia như sau: Bên nhận khoán: 85%, bên khoán: 12%, UBND xã: 3%;

c) Rừng trồng cây đặc sản (Trôm, Điều)

Bên nhận khoán được hưởng 100% giá trị sản phẩm khai thác nhựa, mủ (cây Trôm) và hạt (cây Điều), sau khi trừ các chi phí liên quan đến khai thác và các loại thuế, phí (nếu có).

3. Hưởng lợi từ việc trồng xen cây nông nghiệp, lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu trên diện tích rừng trồng.

Bên nhận khoán được hưởng 100% giá trị sản phẩm cây nông nghiệp, lâm sản ngoài gỗ và cây dược liệu trồng xen.

Điều 12. Phân chia lợi ích từ rừng phòng hộ là rừng tự nhiên

1. Hưởng lợi từ rừng phòng hộ là rừng tự nhiên

a) Phòng hộ rất xung yếu: Không được phép khai thác gỗ tận thu theo quy định hiện hành của Nhà nước .

b) Phòng hộ xung yếu:

Được phép tận thu, tận dụng gỗ là những cây, lóng, khúc, bìa bắp gỗ đã khô mục, lóc lõi, gỗ cháy, cành, ngọn, gốc, rễ và khai thác bền vững các loại LSNG, theo Điều 14 Quyết định số 17/2015/QĐ-TTg. Bên nhận khoán được hưởng 100% giá trị tận thu, tận dụng gỗ trong rừng phòng hộ là rừng tự nhiên.

2. Hưởng lợi từ khai thác tre, nứa trong rừng tự nhiên

a) Việc khai thác tre, nứa trong rừng phòng hộ theo quy định tại Điều 16 Quyết định số 17/2015/QĐ-TTg.

b) Giá trị sản phẩm khai thác tre, nứa trong rừng tự nhiên, tính trên tổng số tiền thu được từ sản phẩm khai thác, sau khi nộp thuế và trừ các chi phí theo

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

quy định của pháp luật được phân chia như sau: Bên nhận khoán: 85%; Bên khoán: 12%; và Ủy Ban nhân dân xã: 3%.

3. Hưởng lợi từ khai thác, thu hái lâm sản ngoài gỗ

Việc khai thác, thu hái các loại lâm sản ngoài gỗ theo quy định tại Nghị định số 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30/3/2006 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm. Bên nhận khoán được hưởng 100% giá trị thu được từ sản phẩm khai thác lâm sản ngoài gỗ, sau khi nộp thuế và trừ các chi phí (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Hưởng lợi từ rừng phòng hộ với các nguồn lợi khác

1. Từ dịch vụ chi trả dịch vụ môi trường rừng

Bên nhận khoán được hưởng lợi từ chi trả dịch vụ môi trường theo quy định tại Nghị định 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ và Nghị định sửa đổi bổ sung Nghị định này (nếu có).

2. Từ các nguồn lợi khác

Tùy theo từng địa bàn, có thể kết hợp việc bảo vệ rừng phòng hộ với các hoạt động du lịch sinh thái, nghiên cứu khoa học, giáo dục đào tạo và sản xuất nông lâm nghiệp theo quy chế quản lý rừng phòng hộ, thực hiện theo Điều 17, Quyết định số 17/2015/QĐ-TTg. Các mức hưởng lợi (nếu có) do bên khoán và bên nhận khoán tự thỏa thuận nhưng không trái với quy định hiện hành.

Điều 14. Xử lý rủi ro các yếu tố bất khả kháng và nguyên nhân khác gây thiệt hại rừng

1. Thiệt hại mất rừng do các nguyên nhân bất khả kháng

Nguyên nhân bất khả kháng dẫn đến mất rừng được áp dụng theo Điều 23, Quyết định số 73/2010/QĐ-TTg ngày 16/11/2010 (QĐ số 73/2010/QĐ-TTg) của Thủ tướng chính phủ, ban hành quy chế đầu tư xây dựng công trình Lâm sinh. Nếu có thiệt hại rừng do các nguyên nhân bất khả kháng thì Bên khoán và Bên nhận khoán phải lập hồ sơ theo quy định tại Điều 24, Quyết định số 73/2010/QĐ-TTg hoặc các Quyết định sửa đổi bổ sung (nếu có), báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định hiện hành.

2. Thiệt hại mất rừng do nguyên nhân chủ quan của bên nhận khoán, thì phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật về quản lý rừng phòng hộ.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN LIÊN QUAN

Điều 15. Trách nhiệm của Uỷ ban nhân dân tỉnh

1. Phê duyệt hoặc ủy quyền phê duyệt Phương án quản lý, bảo vệ rừng Dự án JICA2 sau giai đoạn đầu tư và chỉ đạo các đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát thực hiện Quy chế này.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

2. Trên cơ sở những quy định về hưởng lợi tại Quy chế này, quyết định tỷ lệ phân chia giá trị (tỷ lệ phần trăm), sản phẩm khai thác được từ rừng phòng hộ do dự án JICA2 đầu tư giữa các đối tượng hưởng lợi phù hợp với thực tế của địa phương (nếu cần), gồm:

a) Bên giao khoán;

b) Bên nhận khoán;

c) Ủy ban nhân dân xã;

3. Chỉ đạo, hướng dẫn UBND huyện, UBND xã sử dụng giá trị sản phẩm thu được trong quá trình tổ chức thực hiện quy chế để lập Quỹ bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị định 05/2008/NĐ-CP, ngày 14/1/2008 của Chính phủ về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng và các Nghị định sửa đổi bổ sung (nếu có).

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Chỉ đạo Ban QLRPH thuộc quyền quản lý và phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo các Ban QLRPH thuộc huyện để quản lý, bảo vệ rừng phòng hộ Dự án JICA2 sau giai đoạn đầu tư theo đúng quy định của nhà nước về quản lý, bảo vệ rừng phòng hộ và là cơ quan đầu mối tổ chức chỉ đạo thực hiện Quy chế này;

2. Chỉ đạo Ban Quản lý Dự án JICA2 tỉnh tổ chức bàn giao thành quả dự án JICA2 sau giai đoạn đầu tư cho các đơn vị liên quan theo phương án được phê duyệt.

3. Chỉ đạo Ban QLRPH thuộc quyền quản lý, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện tham gia dự án chỉ đạo các Ban QLRPH thuộc huyện phê duyệt phương án khoán bảo vệ rừng của các Ban QLRPH, tổ chức thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện việc khoán bảo vệ, hưởng lợi từ rừng của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn theo quy định tại Quy chế này.

4. Chủ trì giải quyết những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Quy chế này và báo cáo Ủy Ban nhân dân tỉnh hoặc xin ý kiến Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện nếu vượt quá thẩm quyền.

5. Hàng năm, tổng kết, đánh giá kết quả khoán bảo vệ rừng theo quy chế này, để làm rõ trách nhiệm các bên, những bài học kinh nghiệm trong tổ chức khoán bảo vệ rừng thông qua các hợp đồng dài hạn để nhân rộng hoặc điều chỉnh cho đúng các quy định hiện hành và phù hợp với thực tế tại địa phương.

Điều 17. Trách nhiệm của Ban quản lý Dự án JICA2 tỉnh

1. Ban quản lý dự án JICA2 tỉnh có trách nhiệm xây dựng phương án xử lý tài sản dự án JICA2 sau giai đoạn đầu tư (trong đó có quản lý rừng sau giai đoạn đầu tư) để Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để thực hiện.

2. Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo Quy chế tổ chức thực hiện dự án theo Quyết định số 2192/QĐ-BNN-TCCB ngày 27/9/2013 của Bộ Nông nghiệp

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

và Phát triển nông thôn và thực hiện trách nhiệm sau:

a) Trong thời gian thực hiện dự án:

- Phối hợp với Ban QLRPH và các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch quản lý, bảo vệ rừng trên từng địa bàn quản lý của Ban QLRPH phù hợp với kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh;

- Tham gia xây dựng Quy chế hưởng lợi từ rừng phòng hộ do dự án JICA2 đầu tư. Trực tiếp xử lý mọi vấn đề phát sinh liên quan đến hoạt động đầu tư của dự án tại hiện trường.

b) Sau khi dự án kết thúc đầu tư

- Xây dựng phương án xử lý tài sản, bàn giao thành quả dự án sau giai đoạn đầu tư trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để tổ chức thực hiện;

- Triển khai thực hiện kế hoạch quản lý, bảo vệ rừng dự án JICA2 được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Tổ chức bàn giao thành quả dự án JICA2 sau giai đoạn đầu tư cho các đơn vị liên quan theo phương án xử lý tài sản dự án JICA2 sau giai đoạn đầu tư được phê duyệt;

- Tổ chức thực hiện Quy chế này đến các tổ chức, cá nhân liên quan tham gia nhận khoán.

Điều 18. Trách nhiệm của Ban quản lý rừng phòng hộ

1. Trách nhiệm về quản lý, bảo vệ và khai thác rừng do dự án JICA2 đầu tư

a) Quản lý bảo vệ và phát triển bền vững vốn rừng do Dự án JICA2 đầu tư được nhận bàn giao;

b) Nhận bàn giao kết quả đầu tư một số hoạt động của dự án JICA2 (theo phương án được phê duyệt), chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch quản lý, bảo vệ rừng, phương án khoán bảo vệ rừng đối với diện tích rừng do dự án JICA2 bàn giao, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trực tiếp ký hợp đồng khoán bảo vệ, chăm sóc rừng theo các loại hợp đồng nêu tại Quy chế này;

c) Thực hiện khoán bảo vệ, chăm sóc rừng phòng hộ cho các tổ chức, cá nhân có liên quan, trực tiếp tổ chức triển khai các hợp đồng kinh tế gắn với chia sẻ lợi ích từ sản phẩm rừng, dịch vụ môi trường rừng theo hướng ổn định, lâu dài đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn theo quy định hiện hành của Nhà nước và Quy chế này;

d) Tổ chức, xây dựng hồ sơ thiết kế khai thác cây phù trợ thuộc rừng trồng theo quy định tại Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20/5/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Hướng dẫn thực hiện khai thác, tận thu gỗ và lâm sản ngoài gỗ hoặc các quy định sửa đổi, bổ sung Thông tư này (nếu có), trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và cấp giấy phép khai thác rừng;

e) Kiểm tra, giám sát các hoạt động khai thác, tận thu gỗ và lâm sản ngoài gỗ của cá nhân và tổ chức thực hiện các hoạt động khác trên khu rừng quản lý

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

theo quy định của pháp luật;

g) Tổ chức khai thác rừng theo đúng giấy phép được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo đúng các yêu cầu kỹ thuật về khai thác rừng theo quy định.

2. Trách nhiệm về phân chia hưởng lợi

a) Xây dựng phương án hưởng lợi thu được từ rừng phòng hộ giữa các bên liên quan theo tỷ lệ được quy định tại Quy chế này và phù hợp với Quy định của địa phương (nếu có);

b) Thực hiện việc phân chia giá trị sản phẩm khai thác từ rừng phòng hộ cho các bên liên quan theo phương án hưởng lợi và hợp đồng khoán bảo vệ rừng đã ký;

c) Phối hợp với các đơn vị liên quan để chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng (nếu có) cho bên nhận khoán theo quy định của Chính phủ.

3. Trách nhiệm về quản lý và sử dụng các lợi ích được chia từ rừng

Sau khi hoàn thành việc khai thác, bán sản phẩm, Ban QLRPH trình cấp có thẩm quyền quyết định phương án sử dụng số tiền thu được theo quy chế này và quy định khác của pháp luật liên quan. Số tiền Ban QLRPH được hưởng là nguồn thu của đơn vị, việc quản lý, sử dụng nguồn thu này thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 19. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân huyện

1. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã và Ban quản lý rừng phòng hộ thuộc huyện quản lý bảo vệ, phát triển bền vững rừng được giao theo quy định của pháp luật.

2. Kiểm tra, giám sát UBND xã trong việc sử dụng giá trị sản phẩm gỗ thu được từ rừng để thành lập Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị định 05/2008/NĐ-CP và các sửa đổi, bổ sung nghị định này (nếu có).

Điều 20. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã

1. Phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức, triển khai thực hiện việc quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng phòng hộ theo quy định của pháp luật và tổ chức tuyên truyền phổ biến Quy chế này đến các đối tượng liên quan.

2. Tham gia giám sát việc thực hiện hợp đồng khoán quản lý, bảo vệ rừng giữa Ban QLRPH và bên nhận khoán với trách nhiệm là đại diện của chính quyền địa phương nơi có rừng do dự án JICA2 đầu tư.

3. Sử dụng đúng mục đích, hiệu quả số tiền hưởng lợi theo quy định tại Quy chế này theo quy định của pháp luật.

Chương V

QUY ĐỊNH CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Quy định chế độ báo cáo

1. Ban quản lý rừng phòng hộ phải báo cáo tình hình thực hiện các hợp đồng khoán bảo vệ rừng cho UBND huyện (đối với các Ban QLRPH thuộc

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

huyện) hoặc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với các Ban QLRPH thuộc Sở NN&PTNT quản lý) theo quy định sau:

a) Hàng quý, đối với các hợp đồng khoán: Chăm sóc, Bảo vệ rừng trồng; Rừng nâng cấp; Rừng khoanh nuôi có trồng bổ sung;

b) Sáu tháng và một năm đối với các loại hợp đồng khác: Khoán bảo vệ rừng tự nhiên; Khoanh nuôi tái sinh tự nhiên.

2. Nơi nhận báo cáo

Uỷ ban nhân dân huyện hoặc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Thời gian báo cáo

a) Báo cáo quý: Chậm nhất ngày 05, sau khi hết quý;

b) Báo cáo 6 tháng: Chậm nhất ngày 10, sau khi hết quý II;

c) Báo cáo năm: Chậm nhất ngày 15, sau khi kết thúc năm.

Điều 22. Tổ chức thực hiện

1. Tổng cục Lâm nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Ban Quản lý các dự án Lâm nghiệp chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh tham gia Dự án JICA2 tổ chức thực hiện, kiểm tra giám sát việc thực hiện Quy chế này, tổng hợp, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết quả thực hiện.

Điều 23. Sửa đổi, bổ sung quy chế

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề gì chưa phù hợp cần sửa đổi, bổ sung đề nghị các đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp và gửi Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (thông qua Tổng cục Lâm nghiệp) xem xét sửa đổi, bổ sung kịp thời./.

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Phụ lục I: Mẫu đề nghị nhận khoán bảo vệ rừng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ NHẬN KHOÁN DÀI HẠN
BẢO VỆ RỪNG PHÒNG HỘ LÀ RỪNG TRỒNG/*RỪNG TỰ NHIÊN*
THUỘC DỰ ÁN JICA2 SAU GIAI ĐOẠN ĐẦU TƯ

Kính gửi: .....

Tên cá nhân hay hộ gia đình, tổ chức (người đại diện):.....

Số CMND: .....ngày cấp....., nơi cấp.....

Hộ khẩu thường trú: .....

Chỗ ở hiện tại: .....

Căn cứ vào điều kiện thực tế và năng lực của .....

Sau khi nghiên cứu những chính sách và quy định của Nhà nước liên quan đến bảo vệ và hưởng lợi từ rừng phòng hộ đối với Dự án JICA2 sau giai đoạn đầu tư

Tôi làm đề nghị này xin nhận khoán bảo vệ rừng phòng hộ là rừng trồng/*rừng tự nhiên*[1] thuộc Dự án JICA2 với diện tích và địa điểm như sau:

Diện tích: ..... ha

Địa điểm: Lô .... khoảnh .....tiểu khu.....thuộc xã ... .huyện .....tỉnh ...

Cam kết của cá nhân hay hộ gia đình, tổ chức:

Nếu được nhận khoán bảo vệ rừng, chúng tôi xin cam kết thực hiện theo đúng yêu cầu của hợp đồng bảo vệ rừng thuộc Dự án JICA2 theo đúng Quy chế Quản lý rừng phòng hộ; các quy định hiện hành liên quan đến bảo vệ và phát triển rừng của Nhà nước, các hướng dẫn của bên khoán và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Nhà nước nếu để thiệt hại rừng xảy ra./.

..... *ngày.....tháng..... năm ... ...*

Người đề nghị

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ.....

.....

..... *ngày..... tháng..... năm.....*

Chủ tịch

(Ký tên và đóng dấu)

[1] Những từ in nghiêng cần được thay đổi cho phù hợp

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Phụ lục II: Mẫu hợp đồng khoán bảo vệ rừng trồng

CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN ĐƠN VỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	....., *ngày.....tháng.....năm.....*

HỢP ĐỒNG KHOÁN DÀI HẠN
BẢO VỆ RỪNG PHÒNG HỘ LÀ RỪNG TRỒNG
THUỘC DỰ ÁN JICA2 SAU GIAI ĐOẠN ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Dân sự, Quốc hội khóa 11 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng, Quốc hội khóa 11 thông qua ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng;

Căn cứ Quyết định 17/2015/QĐ-TTg ngày 9 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế Quản lý rừng phòng hộ;

Căn cứ Thông tư số 35/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Hướng dẫn thực hiện khai thác, tận thu gỗ và lâm sản ngoài gỗ;

Căn cứ Quyết định số .....ngày ...tháng .... năm .... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành Quy chế hưởng lợi từ rừng phòng hộ áp dụng đối với Dự án "Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ" – Dự án JICA2, tại các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, QUảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiện - Huế, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Ninh Thuận và Bình Thuận.

Căn cứ Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm.....của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh.....về phê duyệt kế hoạch quản lý, bảo vệ rừng Dự án JICA2 sau giai đoạn đầu tư;

Căn cứ Quyết định thành lập Ban Quản lý Rừng phòng hộ số.....ngày .....tháng....năm.....;

Xét Đề nghị nhận khoán chăm sóc, bảo vệ rừng phòng hộ là rừng trồng của.....;

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm ..... tại .....

Chúng tôi gồm:

Bên khoán (Bên A): Ban Quản lý Rừng phòng hộ .....

Do ông/bà ..... Chức vụ..... làm đại diện

Địa chỉ .....

Điện thoại .....; Fax .....

Tài khoản.....

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Bên nhận khoán (Bên B): .....

Do ông/bà .....làm đại diện

Địa chỉ .....

CMTND số ..... Công an tỉnh ..... cấp ngày ... tháng ... năm .....

Điện thoại .....

Tài khoản.....

Hai bên thỏa thuận ký hợp đồng khoán dài hạn bảo vệ rừng phòng hộ là rừng trồng thuộc Dự án JICA2 sau giai đoạn đầu tư với các điều, khoản sau đây:

Điều 1. Nội dung khoán

Bên A giao cho Bên B nhận bảo vệ diện tích, địa điểm rừng trồng cùng với trạng thái rừng, như sau:

- Diện tích:.....ha,

- Địa điểm: lô:.....; khoảnh.....; tiểu khu:.....;

Thuộc xã.....huyện..... tỉnh.....

- Loài cây trồng chính.....; cây phù trợ.....

- Năm trồng:.....

- Mật độ cây trồng chính.....; mật độ cây phù trợ.....

- Chất lượng rừng: (tốt, trung bình và kém).....

- Vị trí, ranh giới và đặc điểm khu rừng: Có hồ sơ và bản đồ kèm theo

Điều 2. Thời hạn của hợp đồng

Thời hạn nhận khoán bảo vệ rừng trồng là ..... năm, kể từ ngày ..... tháng ..... năm ..... đến ngày ..... tháng..... ... năm .....

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

1. Quyền của Bên A

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện hợp đồng của bên B được ghi tại Khoản 2 Điều 4 của Hợp đồng này;

b) Yêu cầu Bên B bồi thường mọi thiệt hại gây ra trong quá trình bảo vệ rừng. Số tiền bồi thường này được khấu trừ khi thanh toán tiền hưởng lợi từ rừng nhận khoán;

c) Chấm dứt hợp đồng khoán, nếu bên B vi phạm hợp đồng.

2. Nghĩa vụ của Bên A

a) Bàn giao cho Bên B hồ sơ khoán và bàn giao thực địa về diện tích; hiện trạng rừng; vị trí ranh giới trên bản đồ và trên thực địa;

b) Cung cấp các hỗ trợ kỹ thuật về bảo vệ và nuôi dưỡng rừng trồng Dự án JICA2 cho Bên B;

c) Tổ chức xây dựng hồ sơ thiết kế khai thác cây phù trợ đối với rừng trồng với sự tham gia của Bên B;

d) Thực hiện phân chia giá trị sản phẩm từ rừng khoán cho Bên B theo quy định

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

tại Qui chế hưởng lợi từ rừng phòng hộ áp dụng đối với Dự án JICA2 *(Quyết định số.....ngày.....của Bộ NN&PTNT).*

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

1. Quyền của Bên B

a) Được nhận đủ hồ sơ khoán và bàn giao thực địa về diện tích; hiện trạng rừng; vị trí ranh giới trên bản đồ và trên thực địa;

b) Được hướng dẫn kỹ thuật, tham gia tập huấn về nuôi dưỡng rừng trồng và bảo vệ rừng do bên A tổ chức;

c) Được lấy củi, khai thác tre nứa và các lâm sản ngoài gỗ khác. Khai thác tận thu cây chết, cây sâu bệnh, v.v... theo đúng pháp luật và quy định hiện hành của Nhà nước. Được trồng xen cây nông nghiệp, cây lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng;

d) Được hưởng lợi từ rừng nhận khoán theo Điều 11 và Điều 13 Quy chế hưởng lợi từ rừng phòng hộ áp dụng đối với Dự án JICA2 *(Quyết định số.....ngày của Bộ NN&PTNT), cụ thể:*

- Rừng trồng mới: Bên nhận khoán được hưởng 85%, bên khoán: 12%, UBND xã: 3%;

- Rừng trồng nâng cấp: Rừng trồng Thông: Đối với sản phẩm khai thác nhựa thông được phân chia như sau: Bên nhận khoán 70%, bên khoán 27%; và UBND xã 3%. Rừng trồng Keo: Giá trị khai thác cây phù trợ (Keo) được phân chia như sau: Bên nhận khoán được hưởng 85%, bên khoán: 12%, UBND xã: 3%;

- Rừng trồng cây đặc sản (Trôm, Điều)' Bên nhận khoán được hưởng 100% giá trị sản phẩm khai thác nhựa, mủ và hạt từ cây Trôm; Điều, sau khi trừ các chi phí liên quan đến khai thác và các loại thuế, phí (nếu có);

- Trồng xen cây nông nghiệp, lâm sản ngoài gỗ, dược liệu trên diện tích rừng trồng; Bên nhận khoán được hưởng 100% giá trị sản phẩm cây nông nghiệp, lâm sản ngoài gỗ và cây dược liệu trồng xen.

- Được hưởng lợi từ chi trả dịch vụ môi trường rừng và các nguồn lợi khác từ rừng khoán bảo vệ (nếu có)

e) Khi hết hợp đồng, nếu không vi phạm các điều khoản của hợp đồng và có nhu cầu thì hợp đồng được tiếp tục ký với Bên A;

2. Nghĩa vụ của Bên B

a) Có nghĩa vụ thực hiện các điều khoản ghi trong hợp đồng khoán bảo vệ rừng đã được ký với Bên A; chịu sự hướng dẫn, kiểm tra, giám sát của Bên A về quy trình kỹ thuật và các quy định khác;

b) Nếu vi phạm hợp đồng, gây thiệt hại cho Bên A thì bị chấm dứt hợp đồng và phải bồi thường mức độ thiệt hại theo quy định của pháp luật;

c) Trả lại rừng nhận khoán khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Sửa đổi hợp đồng

1. Bất kỳ sự thay đổi hay điều chỉnh nào của hợp đồng này đều phải được thỏa thuận đồng ý bằng văn bản giữa các bên.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

2. Mọi sự thay đổi hoặc điều chỉnh chỉ có hiệu lực khi cả hai bên ký hợp đồng sửa đổi hoặc biên bản ghi nhớ để đưa vào phụ lục hợp đồng.

Điều 6. Chấm dứt hợp đồng

Hợp đồng được chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Đến hết thời hạn hợp đồng mà Bên A không có nhu cầu kéo dài hợp đồng;

2. Bên B có nhu cầu chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, phải thông báo bằng văn bản cho bên A ít nhất ba mươi (30) ngày;

3. Bên A nhận thấy Bên B không đủ khả năng thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ ghi trong hợp đồng;

4. Bên A nhận thấy Bên B không tuân thủ các hướng dẫn của Bên A về bảo vệ rừng phòng hộ.

Trong trường hợp hợp đồng bị chấm dứt vì các lý do nêu tại Khoản 3 và Khoản 4 của Điều này, Bên A phải thông báo cho Bên B bằng văn bản ít nhất 30 ngày trước khi chấm dứt hợp đồng.

Điều 7. Giải quyết tranh chấp

Hai bên cam kết giải quyết hoặc làm sáng tỏ mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng thông qua thương lượng. Trong trường hợp không thể giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng thì sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 8. Hiệu lực của Hợp đồng

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Hợp đồng được lập thành ..... bản, mỗi bên giữ 01 bản, các bản còn lại được gửi đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền liên quan./.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
Ký tên	Ký tên
(Ghi rõ họ tên và đóng dấu)	*(Ghi rõ họ tên)*

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Phụ lục III: Mẫu hợp đồng khoán bảo vệ rừng tự nhiên

CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN ĐƠN VỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày.....tháng.....năm.....

HỢP ĐỒNG KHOÁN DÀI HẠN
BẢO VỆ RỪNG PHÒNG HỘ LÀ RỪNG TỰ NHIÊN
THUỘC DỰ ÁN JICA2 SAU GIAI ĐOẠN ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Dân sự, Quốc hội khóa 11 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng, Quốc hội khóa 11 thông qua ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng;

Căn cứ Quyết định 17/2015/QĐ-TTg ngày 9 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế Quản lý rừng phòng hộ;

Căn cứ Thông tư số 35/TT-BNNPTNT ngày 20/5/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Hướng dẫn thực hiện khai thác, tận thu gỗ và lâm sản ngoài gỗ;

Căn cứ Quyết định số .....ngày ...tháng .... năm .... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chế hưởng lợi từ rừng phòng hộ áp dụng đối với Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ (Dự án JICA2), tại các tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Ninh Thuận và Bình Thuận;

Căn cứ Quyết định số..... ngày.....tháng.....năm.....của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh.....về phê duyệt kế hoạch quản lý, bảo vệ rừng Dự án JICA2 sau giai đoạn đầu tư;

Căn cứ Quyết định thành lập Ban Quản lý rừng phòng hộ số.....ngày.....tháng .....năm.....;

Xét Đề nghị nhận khoán bảo vệ rừng phòng hộ là rừng tự nhiên của.....

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm ..... tại .....

Chúng tôi gồm:

Bên khoán (Bên A): Ban Quản lý rừng phòng hộ .....

Do ông/bà ..... Chức vụ..... làm đại diện

Địa chỉ .....

Điện thoại ..... Fax .....

Tài khoản.....

Bên nhận khoán (Bên B): .....

Do ông/bà .....làm đại diện

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Địa chỉ .....

CMTND số ..... Công an tỉnh ..... cấp ngày ... tháng ... năm .....

Điện thoại .....

Tài khoản.....

Hai bên thỏa thuận ký hợp đồng khoán dài hạn bảo vệ rừng phòng hộ là rừng tự nhiên thuộc Dự án JICA2 sau giai đoạn đầu tư với các điều, khoản sau đây:

Điều 1. Nội dung khoán

Bên A khoán cho Bên B bảo vệ diện tích, địa điểm rừng tự nhiên cùng với trạng thái rừng, như sau:

- Diện tích:..... ha;

- Địa điểm: Lô:.....; khoảnh.....; tiểu khu:.....;

Thuộc xã.....huyện.....tỉnh.....

- Trạng thái rừng, loài cây chính, trữ lượng, độ tàn che...(có biểu thống kê diện tích kèm theo)

- Vị trí, ranh giới và đặc điểm khu rừng: Có hồ sơ và bản đồ kèm theo

Điều 2. Thời hạn và đơn giá khoán bảo vệ rừng

1. Thời hạn nhận khoán quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên là ..... năm, kể từ ngày ..... tháng ... năm ..... đến ngày ... tháng ... năm .....

2. Đơn giá khoán: .....đồng/1ha/1năm (theo mức khoán bảo vệ rừng do Nhà nước quy định tại thời điểm ký hợp đồng khoán)

3. Tổng giá trị thanh toán hàng năm là:.....ha x.....đ/ha =

Bằng chữ: (.....)

Trường hợp, Nhà nước không cấp đủ kinh phí cho công tác bảo vệ rừng năm nào thì sẽ không tính số tiền chi trả năm đó cho Bên A

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

1. Quyền của Bên A

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện hợp đồng của bên B được ghi tại Khoản 2 Điều 4 của Hợp đồng này;

b) Tổ chức nghiệm thu rừng theo định kỳ 6 tháng và hàng năm để làm căn cứ tạm ứng và thanh toán cho Bên B theo Điều 5 của Hợp đồng này;

c) Không nghiệm thu, thanh toán khối lượng (diện tích) bảo vệ rừng không đạt chất lượng theo yêu cầu trong hợp đồng;

d) Yêu cầu Bên B bồi thường thiệt hại gây ra trong quá trình bảo vệ rừng. Số tiền bồi thường này được khấu trừ khi thanh toán tiền hưởng lợi từ rừng nhận khoán

e) Chấm dứt hợp đồng khoán, nếu Bên B vi phạm hợp đồng;

2. Nghĩa vụ của Bên A

a) Bàn giao cho Bên B hồ sơ khoán và bàn giao thực địa về diện tích; hiện trạng rừng; vị trí ranh giới trên bản đồ và trên thực địa;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

b) Cung cấp các hỗ trợ kỹ thuật về bảo vệ và nuôi dưỡng rừng tự nhiên Dự án JICA2 cho Bên B;

c) Tổ chức nghiệm thu rừng nhận khoán hàng năm để đánh giá việc thực hiện hợp đồng của Bên nhận khoán, làm cơ sở thanh toán tiền công bảo vệ rừng theo quy định hiện hành của Nhà nước (nếu có);

d) Thực hiện phân chia giá trị sản phẩm từ rừng tự nhiên nhận khoán cho Bên B theo quy định tại Quy chế hưởng lợi từ rừng phòng hộ áp dụng đối với Dự án JICA2.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

1. Quyền của Bên B

a) Được nhận đủ hồ sơ khoán và bàn giao thực địa về diện tích; hiện trạng rừng; vị trí ranh giới trên bản đồ và trên thực địa;

b) Được hướng dẫn kỹ thuật, tham gia tập huấn về nuôi dưỡng, bảo vệ rừng tự nhiên do Bên A tổ chức;

c) Được lấy củi, khai thác tre nứa và các lâm sản ngoài gỗ khác. Khai thác tận thu cây chết, cây sâu bệnh, v.v... theo đúng pháp luật và quy định hiện hành của Nhà nước. Được trồng xen cây nông nghiệp, cây lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng;

d) Được hưởng lợi từ rừng tự nhiên nhận khoán theo quy định tại Điều 12, Điều 13 Quy chế hưởng lợi từ rừng phòng hộ áp dụng đối với Dự án JICA2, cụ thể như sau:

- Bên nhận khoán được hưởng 100% giá trị tận thu gỗ trong rừng tự nhiên.

- Giá trị sản phẩm khai thác tre, nứa trong rừng tự nhiên được phân chia như sau: Bên nhận khoán 85%; bên khoán 12% và UBND xã 3% số tiền thu được từ sản phẩm rừng tự nhiên, sau khi nộp thuế và trừ các chi phí theo quy định của pháp luật.

- Bên nhận khoán được hưởng 100% giá trị thu được từ sản phẩm khai thác lâm sản ngoài gỗ, sau khi nộp thuế và trừ các chi phí theo quy định của pháp luật.

- Bên nhận khoán được hưởng lợi từ chi trả dịch vụ môi trường rừng và các nguồn lợi khác từ rừng khoán bảo vệ (nếu có)

e) Khi hết hợp đồng, nếu không vi phạm các điều khoản của hợp đồng và có nhu cầu thì hợp đồng được tiếp tục ký với bên khoán.

2. Nghĩa vụ của Bên B

a) Có nghĩa vụ thực hiện các điều khoản ghi trong hợp đồng khoán bảo vệ rừng đã được ký với Bên A; chịu sự hướng dẫn, kiểm tra, giám sát của Bên A về quy trình kỹ thuật và các quy định khác;

b) Nếu vi phạm hợp đồng, gây thiệt hại cho Bên A thì bị chấm dứt hợp đồng và phải bồi thường mức độ thiệt hại theo quy định của pháp luật;

c) Trả lại rừng nhận khoán khi Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nghiệm thu, tạm ứng và phương thức thanh toán

1. Bên A tiến hành nghiệm thu kết quả thực hiện bảo vệ rừng cho Bên B theo đúng vị trí, diện tích rừng được giao. Việc nghiệm thu được tiến hành định kỳ 02 lần/01 năm.

2. Tạm ứng: 50% sau khi nghiệm thu lần thứ nhất đạt kết quả; phần còn lại

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

(50% giá trị hợp đồng/năm) sẽ được thanh toán hết vào cuối năm tùy theo kết quả nghiệm thu cuối năm và thực tế ngân sách nhà nước cấp năm đó cho bảo vệ rừng.

3. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc tiền mặt

Điều 6. Sửa đổi hợp đồng

1. Bất kỳ sự thay đổi hay điều chỉnh nào của hợp đồng này đều phải được đồng ý bằng văn bản giữa các bên.

2. Mọi sự thay đổi hoặc điều chỉnh chỉ có hiệu lực khi cả hai bên ký hợp đồng sửa đổi hoặc biên bản ghi nhớ để đưa vào phụ lục hợp đồng.

Điều 7. Chấm dứt hợp đồng

Hợp đồng được chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Đến hết thời hạn hợp đồng mà Bên A không có nhu cầu kéo dài hợp đồng;

2. Bên B có nhu cầu chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, phải thông báo bằng văn bản cho Bên A ít nhất ba mươi (30) ngày;

3. Bên A nhận thấy Bên B không đủ khả năng thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ ghi trong hợp đồng;

4. Bên A nhận thấy Bên B không tuân thủ các hướng dẫn của Bên A về bảo vệ rừng phòng hộ;

Trong trường hợp hợp đồng bị chấm dứt vì các lý do nêu tại Khoản 3 và Khoản 4 của Điều này, Bên A phải thông báo cho Bên B bằng văn bản ít nhất 30 ngày trước khi chấm dứt hợp đồng.

Điều 8. Giải quyết tranh chấp

Hai bên cam kết giải quyết hoặc làm sáng tỏ mọi tranh chấp phát sinh trong trình thực hiện hợp đồng thông qua thương lượng. Trong trường hợp không thể giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng thì sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 9. Hiệu lực của Hợp đồng

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Hợp đồng được lập thành .....bản, mỗi bên giữ 01 bản, các bản còn lại được gửi đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền liên quan./.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
Ký tên	Ký tên
(Ghi rõ họ tên và đóng dấu)	*(Ghi rõ họ tên)*

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Phụ lục IV: Mẫu biên bản giao, nhận rừng trồng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN GIAO, NHẬN RỪNG TRỒNG

Căn cứ Hợp đồng số ....., ngày.....tháng.....năm..... về việc khoán bảo vệ rừng phòng hộ là rừng trồng thuộc Dự án JICA2 sau giai đoạn đầu tư.

Hôm nay, ngày … tháng … năm ..... tại .....

Chúng tôi gồm:

Bên khoán (Bên A): Ban Quản lý Rừng phòng hộ .....

Do ông/bà ..... Chức vụ:..... làm đại diện

Địa chỉ .....; Điện thoại ..... Fax .....

Bên nhận khoán (Bên B): .....

Do ông/bà ..... làm đại diện

Địa chỉ …; Số CMTND:....., ngày cấp …, nơi cấp…; Điện thoại

Hai bên tiến hành bàn giao hiện trường rừng trồng khoán bảo vệ như sau:

1. Diện tích, vị trí, trạng thái rừng khoán bảo vệ

- Diện tích:..... .....ha, - Địa điểm: Lô:.....; khoảnh.....; tiểu khu:.....; xã.....huyện.....tỉnh .....

- Loài cây trồng chính.....; cây phù trợ.....

- Năm trồng:.....

- Mật độ cây trồng chính.....; mật độ cây phù trợ.....

- Chất lượng rừng: (tốt, trung bình, kém).....

- Vị trí, ranh giới và đặc điểm khu rừng: Có hồ sơ và bản đồ kèm theo

2. Hiện trạng mốc giới: .....

Biên bản được lập vào hồi.....giờ, ngày ..... tháng ..... năm.....

Biên bản được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau (Bên A giữ 01 bản, Bên B giữ 01 bản, UBND xã nơi có rừng 01 bản).

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
Ký tên	Ký tên
(Ghi rõ họ tên và đóng dấu)	*(Ghi rõ họ tên)*

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ.....
..... ngày..... tháng..... năm.....
Chủ tịch
(Ký tên và đóng dấu)

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Phụ lục V: Mẫu biên bản giao nhận rừng tự nhiên.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN GIAO, NHẬN RỪNG TỰ NHIÊN

Căn cứ Hợp đồng số ....., ngày.....tháng.....năm..... về việc khoán bảo vệ rừng phòng hộ là rừng tự nhiên thuộc Dự án JICA2 sau giai đoạn đầu tư.

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm ..... tại .....

Chúng tôi gồm:

Bên khoán (Bên A): Ban Quản lý Rừng phòng hộ .....

Do ông/bà ..... Chức vụ:..... làm đại diện

Địa chỉ ...; Điện thoại ..... Fax .....

Bên nhận khoán (Bên B): .....

Do ông/bà ..... làm đại diện

Địa chỉ .....; Số CMTND:....., ngày cấp ....., nơi cấp.....; Điện thoại ....

Hai bên tiến hành bàn giao hiện trường rừng phòng hộ là rừng tự nhiên khoán bảo vệ như sau:

1. Diện tích, vị trí, trạng thái rừng khoán bảo vệ

- Diện tích:..... ha, Địa điểm: Lô:.....; khoảnh.....; tiểu khu:.....;

Thuộc xã.....huyện..... tỉnh.....

- Trạng thái rừng, loài cây chính, trữ lượng, độ tàn che *(Có biểu thống kê diện tích kèm theo)*

- Vị trí, ranh giới và đặc điểm khu rừng: *Có hồ sơ và trích lục bản đồ kèm theo*

2. Hiện trạng mốc giới: .....

Biên bản được lập vào hồi.....giờ, ngày ..... tháng ..... năm.....

Biên bản được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau (Bên A giữ 01 bản, Bên B giữ 01 bản, UBND xã nơi có rừng 01 bản).

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
Ký tên	Ký tên
(Ghi rõ họ tên và đóng dấu)	*(Ghi rõ họ tên)*

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ.....

..... ngày..... tháng..... năm.....

Chủ tịch

(Ký tên và đóng dấu)

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn